

Số: /2024/QĐST-HNGĐ

Thành phố H, ngày 10 tháng 7 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 462/2024/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1. Anh **Nguyễn Văn Hà**, sinh năm 1983. Căn cước công dân số: 038083002xxx do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 03/01/2024

2. Chị **Nguyễn Thị Thu G**, sinh năm 1983. Căn cước công dân số: 038183003xxx do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 13/12/2023.

Cùng có đăng ký thường trú và nơi ở: P 828, HH3B, phố H, phường H, quận H, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Thu G xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh T ngày 29/10/2009 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đã hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay anh chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2]. **Về con chung:** Anh H, chị G xác nhận có 01 con chung là: Nguyễn Hà V, sinh ngày 22/5/2012 và thỏa thuận sau khi ly hôn con chung do chị Giang trực tiếp nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/ tháng.

[3]. **Về tài sản chung:**

3.1. Về động sản: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3.2. Về bất động sản (nhà ở, đất ở): Không có.

3.3. Về nợ chung: Anh H và chị G không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. **Về lệ phí Tòa án:** Chị Nguyễn Thị Thu G tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình và không có yêu cầu gì đối với anh Nguyễn Văn H.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Thu G.

2. Về con chung: Anh H, chị G xác nhận có 01 con chung là: Nguyễn Hà V, sinh ngày 22/5/2012.

Sau khi ly hôn, giao chị Nguyễn Thị Thu G trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/tháng (Năm triệu đồng/tháng) kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Văn H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không

ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Thu G xác nhận không có, không yêu cầu nên Tòa không xét.

3.1. Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Thu G không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

4. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Thu G tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí ly hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp tại Biên lai số 0033940 ngày 28/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố H. Chị Nguyễn Thị Thu G đã nộp đủ tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
 - Viện kiểm sát nhân dân quận H;
 - Chi cục Thi hành án dân sự quận H;
 - UBND xã N, huyện N, tỉnh T
- GCNKH số 29/200, ngày 29/10/2009);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thế H